



Tuần 50 (6-10/12/21)

BSC WEEKLY REVIEW

***Theo dõi VN-Index tại ngưỡng
hỗ trợ 1,420 và 1,380 điểm***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Theo dõi VN-Index tại ngưỡng hỗ trợ 1,420 và 1,380 điểm*
2. PTKT VN-INDEX: *Tìm cân bằng tại hỗ trợ 1,420 và 1,380 điểm*
3. TIN VĨ MÔ: *Gói phục hồi kinh tế được đề xuất là 445 nghìn tỷ đồng*
4. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *6/9 khuyến nghị chưa chốt có hiệu suất dương*
5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Y tế 6.94%*
6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Các ETF giao dịch trái chiều*
7. Phụ lục ETF: *TPDN, ETF FTSE*
8. Khuyến cáo sử dụng

CHIẾN THUẬT TUẦN: Theo dõi VN-Index tại ngưỡng hỗ trợ 1,420 và 1,380 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1443.32	-3.33%
GTGD/phần (tỷ VND)	27,926.15	-9.05%
Khối ngoại (tỷ VND)	-3180.83	
HNX-INDEX	449.27	-2.46%
GTGD/phần (tỷ VND)	3759.29	5.78%
Khối ngoại (tỷ VND)	-234.35	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4538.43	-0.84%	-1.22%	-3.03%
EU (EURO STOXX)	4080.15	-0.68%	-0.23%	-6.48%
China (SHCOMP)	3607.43	0.94%	0.94%	3.32%
Japan (NIKKEI)	28029.57	1.00%	-2.51%	-5.92%
Korea (KOSPI)	2968.33	0.78%	2.03%	-0.03%
Singapore (STI)	3101.93	0.32%	-2.03%	-4.33%
Thailand (SET)	1588.19	-0.23%	-1.39%	-2.34%
Philippines (PCOMP)	7055.19	0.32%	-4.26%	-2.06%
Malaysia (KLCI)	1501.74	0.32%	-1.05%	-1.93%
Indonesia (JCI)	6538.51	-0.69%	-0.35%	-0.66%
Vietnam (VNIndex)	1443.32	-2.61%	-3.33%	-0.91%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phần	HĐM^ / phần
VN30F2112	1509.00	0.33%	24,132	28,935
VN30F2201	1511.90	0.53%	98	469
VN30F2203	1505.00	0.07%	20	167
VN30F2206	1503.00	-0.07%	62	195

TTCK VIỆT NAM

Tiếp tục cạnh mua ở những nhịp điều chỉnh.

Phiên giảm điểm bất ngờ với sự suy yếu của các cổ phiếu lớn ngày 3/12 đang đe dọa xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn. Mặc dù được nâng đỡ bởi VIC và một số cổ phiếu BĐS VN-Index vẫn giảm -3.3% do nhóm cổ phiếu Ngân hàng đồng loạt giảm điểm. Thị trường giảm điểm khi chỉ còn 4/19 ngành cấp I tăng điểm và có đến 250 cổ phiếu giảm điểm so với 139 cổ phiếu tăng điểm. Trong bối cảnh dịch bệnh gia tăng thì ngành Y tế là một trong ngành hiếm hoi có mức tăng tốt 6.9% trong tuần qua. Với phiên giảm điểm mạnh cuối tuần, VN-Index sẽ cần thời gian tìm điểm cân bằng mới với ngưỡng hỗ trợ lần lượt tại 1,420 điểm và 1,380 điểm trong ngắn hạn. Trạng thái margin ổn định và thông tin mới về gói hỗ trợ kinh tế đang được đề xuất 445 nghìn tỷ đồng vẫn là những cây cột giúp thị trường trụ vững. Bên cạnh đó, thông tin về bộ tài chính thanh tra việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp BĐS cũng sẽ gây tác động lên nhóm cổ phiếu này vào tuần sau trong bối cảnh lượng trái phiếu doanh nghiệp đang được phát hành ở mức cao (Chi tiết tại trang 10).

FTSE Russell công bố điều chỉnh danh mục quý IV năm 2021, theo đó, FTSEVN sẽ thêm mới 3 cổ phiếu DIG, DGC, DXG với tỷ trọng lần lượt 2.1%, 1.7% và 1.2%. Với thay đổi này DIG, DGC và DXG sẽ được mua với khối lượng lần lượt 2.7 triệu, 0.9 triệu và 3.2 triệu cổ phiếu. Cùng với đó VIC cũng sẽ được mua vào 2.7 triệu trọng khi VHM và VNM bị bán lần lượt 3.3 triệu và 1.6 triệu cổ phiếu. (Chi tiết tại trang 11).

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ tăng giảm bất thường trước thông tin biến chủng Omicron, giá Gas giảm mạnh

Thông tin về biến chủng Omicron tiếp tục là trung tâm chú ý thị trường tuần qua. Thị trường chứng khoán Hoa Kỳ và giá dầu giảm mạnh khi CEO Moderna nghi ngờ về hiệu quả vắc-xin với biến thể mới và Hoa Kỳ có ca nhiễm đầu tiên sau khi đã tiêm 2 mũi vắc-xin nhưng các chỉ số đã phục hồi trong phiên sau đó. Các chỉ số CK Hoa Kỳ và Châu Á giảm trung bình 2% trong tuần qua trong khi chỉ số CK các nước Châu Âu tăng nhẹ. Chỉ số hàng hóa BCOM Index giảm mạnh -3.6% với 16/20 mặt hàng giảm, dẫn đầu từ mức giảm -26.4% của gas tự nhiên và sự giảm giá của các kim loại quý. Thị trường chứng khoán và thị trường hàng hóa thế giới đang diễn ra khá phức tạp trong ngắn hạn.

Tỷ lệ lạm phát của Eurozone tăng mức kỷ lục tháng 11 khi đạt mức 4.9% so với 4.1% của tháng trước. Đây cũng là mức cao nhất kể từ khi thu thập dữ liệu trong 20 năm qua. Lạm phát đang gây sức ép lên ECB, FED và NHTW các nước hạn chế chương trình kích kinh tế. Tuy nhiên sự xuất hiện biến thể Omicron đang đặt NHTW các nước vào thế khó khi một mặt đe dọa tăng trưởng kinh tế mặt khác gia tăng áp lực lạm phát. Điều này thể hiện qua phát biểu chủ tịch FED tuần qua khi ông cho rằng Omicron tạo rủi ro việc làm và tăng trưởng cùng với đó là tình trạng bất ổn gia tăng của lạm phát. Mặc dù có nhiều ý kiến trái chiều nhưng ảnh hưởng của biến chủng Omicron ngày đang càng rõ nét trên thị trường tài chính và cũng sẽ phần nào trì hoãn quyết định đẩy nhanh thu hồi các chính sách nới lỏng hiện tại cũng như thời điểm và mức độ nâng lãi suất khi đã tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng 3



PTKT VN-INDEX: Tìm cân bằng tại hỗ trợ 1,420 và 1,380 điểm

Đồ thị ngày: VN-Index tiếp tục bất ngờ khi giảm mạnh dưới SMA20 và chạm dải bollinger band dưới với thanh khoản tương đương mức bình quân của 20 phiên. Đây là phiên giảm mạnh nhất kể từ 20/8, thời điểm có thông tin quân đội tham gia kiểm soát dịch tại TP Hồ Chí Minh. Các chỉ báo kỹ thuật suy yếu nhanh chóng cho thấy tâm lý thị trường đang bị xáo trộn mạnh trong ngắn hạn trước tin đồn dịch bệnh. Nhịp hồi có thể sớm diễn ra kéo giá về lại dải bollinger band, trước khi mở rộng cho những biến động lớn hơn trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ thị trường trong ngắn hạn lần lượt tại 1,420 điểm và 1,380 điểm, nơi hội tụ của các đường SMA100 và SMA200 và các vùng tích lũy đỉnh hỗ trợ ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo RSI giảm từ 66 xuống 44.9.
- MACD cắt mở rộng khoảng cách với đường tín hiệu
- VN-Index giảm dưới đường trung bình động SMA20.

Nhận định: Trước thông tin bất lợi từ dịch bệnh, VN-Index đang có diễn khó lường tại vùng đỉnh ngắn hạn. Dòng tiền bắt đáy ngắn hạn dồi dào ở vùng đáy thấp và thông tin hỗ trợ vẫn đóng vai trò mỏ neo cho thị trường trong ngắn hạn. VN-Index có thể giảm thêm 1-2 phiên nữa dù vậy đà giảm dự báo không mạnh và thị trường có thể cân bằng lại trong khoảng từ 1,400 – 1,420 điểm.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: Gói phục hồi kinh tế được đề xuất là 445 nghìn tỷ đồng

VIỆT NAM:

- Gói phục hồi kinh tế được nhóm nghiên cứu của Thường trực Ủy ban Kinh tế và các chuyên gia đề xuất trị giá khoảng 445.000 tỷ đồng, tương đương 5,48% GDP năm 2021. Nhóm này cũng đề xuất là tăng đầu tư cơ sở hạ tầng trong 2 năm 2022 - 2023 với 150.000 tỷ đồng.
- Bộ Tài chính đã trình dự toán NSNN năm 2022 để hỗ trợ phục hồi kinh tế trong bối cảnh dịch COVID-19. Dự toán tập trung vào 6 nhóm giải pháp trọng tâm, kể đến: hoàn thiện chính sách về ngân sách nhà nước; đẩy mạnh tái cấu trúc, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; phát triển thị trường tài chính bền vững; và chú trọng cải cách môi trường kinh doanh trong lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tăng lên 52.2 điểm trong tháng 11, so với 52.1 điểm trong tháng 10, cho thấy các điều kiện kinh doanh cải thiện tháng thứ hai liên tiếp sau thời kỳ giảm do làn sóng đại dịch Covid-19 trước đó trong năm.
- Bộ GTVT đã quyết định tăng tần suất khai thác các đường bay thường lệ chở khách nội địa kể từ ngày 1/12, để hướng tới khai thác bình thường từ đầu năm 2022, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân dịp Tết sắp tới.
- Trước khi bước vào tháng cuối năm, cả nước có 105.600 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 15% về số doanh nghiệp và giảm hơn 19% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và số doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể tăng mạnh và đều ở mức hơn 17%. Trung bình mỗi tháng có gần 9.700 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, nâng tổng số doanh nghiệp rời khỏi thị trường sau 11 tháng lên hơn 106.400 doanh nghiệp.

THẾ GIỚI:

- EU công bố kế hoạch hạ tầng Global Gateway, huy động tới 300 tỷ Euro trong giai đoạn năm 2021-2027 để đầu tư cho các dự án hạ tầng như cáp quang, hành lang giao thông sạch và hệ thống truyền tải điện sạch.
- CPI Hàn Quốc tháng 11 lên cao nhất một thập kỷ, làm gia tăng khả năng NHTW Hàn Quốc thực hiện kịch bản tăng lãi suất tại cuộc họp chính sách ngày 14/1.
- Hạ viện Hoa Kỳ đã thông qua nghị quyết tiếp tục tài trợ cho chính phủ đến ngày 18 tháng Hai. Dự luật chi tiêu tạm thời cần được Thượng viện thông qua vào tối thứ Sáu.
- OPEC và đồng minh hôm nay bắt đầu hai ngày họp để quyết định chính sách sản lượng cho những tháng tới trong bối cảnh giá dầu lao dốc vì lo ngại liên quan biến chủng Omicron. JPMorgan cho biết giá dầu thế giới có thể tăng tới 150 USD/thùng khi nhóm OPEC+ sẽ kiểm soát nguồn cung trước những lo ngại về biến thể mới.
- NHTW Hoa Kỳ có thể đẩy nhanh quá trình rút lại các hỗ trợ tiền tệ đã cung ứng cho nền kinh tế trong giai đoạn dịch bệnh. Chủ tịch Fed cho biết việc giảm nhịp độ mua trái phiếu có thể được đẩy nhanh hơn mức 15 tỷ USD mỗi tháng dự tính trước đó ngay cả trong bối cảnh xuất hiện biến chủng Omicron.
- Chủ tịch Fed chi nhánh Atlanta cho biết nền kinh tế Mỹ đang có nhiều động lực tăng trưởng để vượt qua làn sóng tiếp theo của dịch Covid-19. Tin tức biến thể mới đã thúc đẩy các nhà đầu tư hạ dự báo về tốc độ tăng lãi suất của Fed và các NHTW.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Thông tin mới về biến chủng Covid Omicron và những tác động đến thị trường thế giới.
- Thông tin về gói kích cầu tại diễn đàn do Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức tiếp theo thông tin sơ bộ từ Bộ kế hoạch đầu tư về gói kích cầu gồm 5 giải pháp và tập trung vào năm 2022 và 2023.
- Ngày 06/12, Cán cân thương mại Trung Quốc; Lãi suất Australia. 07/12, GDP điều chỉnh EU; GDP lần cuối Nhật Bản; Cuộc họp bộ trưởng tài chính Châu Âu; Chỉ số PMI Canada. 08/12, Lãi suất và biên bản tiền tệ NHTW Canada; Dự trữ dầu thô; CPI Trung Quốc. 09/12, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 10/12, CPI và chỉ số tâm lý tiêu dùng Hoa Kỳ.

CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
28/11/21	TLH	21.8	26.2	20.5	20.75	5	-4.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/11/21	LCG	20.05	22.5	18.7	21	5	4.74%	Có thể tiếp tục mua
28/11/21	PPP	18.7	21.5	17.3	20.5	5	9.63%	Có thể tiếp tục mua
28/11/21	LIG	17.8	22.8	16.2	16.8	5	-5.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/11/21	SRA	10.8	12.5	9.8	12.3	23	13.89%	Cân nhắc không mua thêm
8/11/21	VSC	41.25	48	40.1	43.8	25	6.18%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/11/21	FMC	52.9	61.6	48	54	26	2.08%	Có thể tiếp tục mua
31/10/21	MST	19	23.2	17.5	18.4	33	-3.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/10/21	PVB	16.1	19.5	15	16.2	61	0.62%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

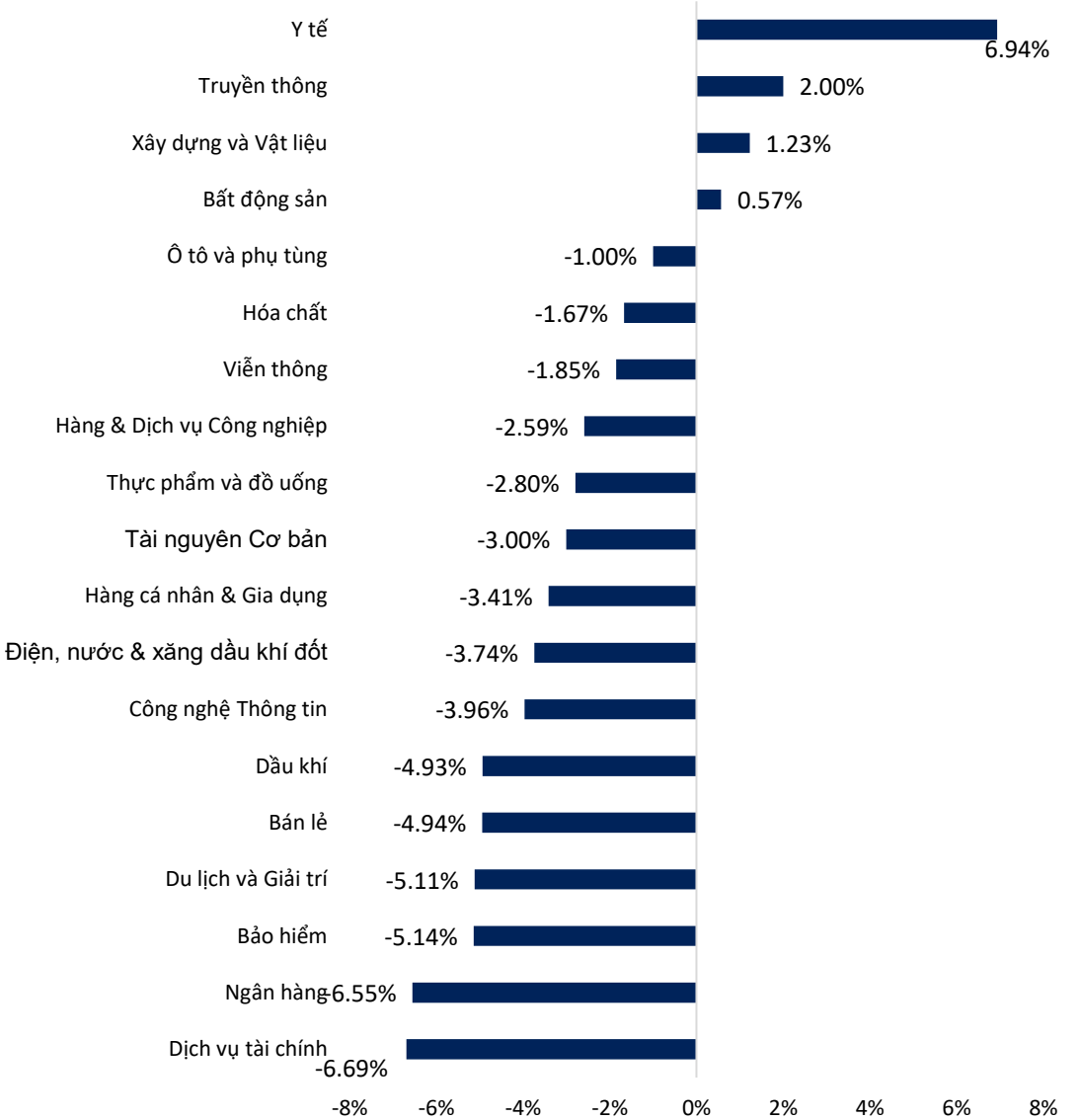
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/11/21	GIL	73.2	87	70.5	SL	17	-3.69%
31/10/21	DHG	103.8	116	100.8	SL	26	-2.89%
24/10/21	GEX	24.55	27.8	23.8	TP	7	13.24%
24/10/21	TDT	15	17	14	TP	7	13.33%
3/10/21	OIL	14.4	17.4	13.25	TP	42	20.83%
26/9/21	PPC	23.55	26.3	23.4	SL	49	-0.64%
26/9/21	HPX	32.5	36	30.2	SL	5	-7.08%
19/9/21	VCS	121	131.5	117.3	TP	15	8.68%
19/9/21	NDN	21.4	24	20.9	SL	5	-2.34%
12/9/21	VSC	68.2	79.5	61.3	SL	16	-10.12%
12/9/21	EVG	11	13.5	10	TP	22	22.73%
5/9/21	VOS	15.8	20	14	TP	5	26.58%
5/9/21	DVP	59.2	68.5	55.8	SL	8	-5.74%
29/8/21	NT2	19.48	22.39	17.91	TP	39	14.94%
29/8/21	VGX	19.7	27.7	17.6	TP	68	40.61%
Chú thích:	Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất						
	TP - Đã chốt lời			SL - Đã cắt lỗ			

Thống kê	Số khuyến nghị lái	Số khuyến nghị lỗi	Hiệu suất KN lái	Hiệu suất KN lỗi	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	6	3	6.19%	-4.53%	2.62%	21
Đã chốt	137	96	15.66%	-8.18%	5.84%	30

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Y tế	2.07%	6.94%	9.28%	DBD	3.26%		
Truyền thông	0.12%	2.00%	2.95%	YEG	1.18%	FOC	1.26%
Xây dựng và Vật liệu	-2.51%	1.23%	10.74%	CTD	4.05%	HT1	0.39%
Bất động sản	-1.63%	0.57%	4.88%	VHM	-3.72%	KDH	-0.65%
Ô tô và phụ tùng	-4.05%	-1.00%	17.74%	VEA	-4.88%	0	0.00%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	66.26	-0.36%	-2.77%	-19.63%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	69.88	0.30%	-2.39%	-13.54%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	195.29	-0.75%	-1.42%	-17.96%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,783.29	0.82%	-1.07%	0.76%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	22.52	0.62%	-2.73%	-4.23%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,267.25	1.85%	1.16%	0.88%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	803.75	-1.38%	-4.34%	0.03%	AFX	
Sữa	USD/cwt	18.60	1.47%	1.53%	1.92%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	240.60	-1.23%	-2.31%	3.71%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	18.75	0.70%	-3.10%	-4.04%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Cà phê	USd/lb.	243.35	2.85%	0.16%	15.41%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	9,418.00	-0.82%	-0.44%	-0.43%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4,331.00	0.81%	0.81%	4.11%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,623.00	0.88%	0.31%	-1.24%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	606.00	-3.12%	-3.12%	4.84%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	151.50	-1.69%	-12.43%	-0.07%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	714.35	1.10%	1.10%	1.21%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VIC	0.07107	6.90672
DHG	0.17286	0.58
VGC	0.08511	0.47
KBC	0.05907	0.43
DXG	0.08741	0.39
HAG	0.22222	0.38
HDC	0.13115	0.27
CRE	0.20805	0.27
ITA	0.07438	0.22
ROS	0.17664	0.17783
Tổng		10.0847

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-0.06667	-6.7289
VPB	-0.08929	-4.01691
BID	-0.07591	-3.59254
VHM	-0.03721	-3.49237
TCB	-0.07037	-3.45506
GAS	-0.05294	-2.67763
MSN	-0.04127	-1.99015
MBB	-0.06601	-1.95686
CTG	-0.0379	-1.61729
HPG	-0.02752	-1.56258
Tổng		-31.0903

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
CTG	242.16	25.27
VND	122.99	17.91
STB	117.91	17.33
VCI	74.34	20.23
VNM	66.32	54.49
HVN	43.63	5.94
SHS	43.62	8.46
VHM	42.97	23.12
FRT	35.93	19.18
QNS	34.71	16.20
Tổng	824.60	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MSN	-356.38	32.21
HPG	-321.89	24.41
DXG	-295.14	28.30
HCM	-288.69	42.35
CEO	-243.02	15.39
SSI	-203.02	38.81
TCH	-192.14	6.06
VJC	-176.70	16.75
NLG	-167.50	33.87
HDB	-165.93	17.21
Tổng	-2410.41	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
POW	103.53	103.85	13.85%
BVH	103.06	102.50	8.76%
GAS	111.02	102.79	8.78%
PLX	98.78	102.01	6.60%
VNM	97.13	100.04	-3.27%
PNJ	99.98152	102.3092	3.30%
VRE	97.49	102.98	0.36%
BID	93.82	101.83	5.26%
SAB	97.91	101.80	-0.82%
VIC	92.69	104.39	21.68%
KDH	108.22	99.08	13.56%
VJC	101.52	99.83	-7.24%
FPT	102.08	96.16	2.14%
PDR	100.34	99.31	14.48%
MSN	108.12	96.55	5.59%
HPG	101.24	97.05	-7.38%
MWG	110.47	99.09	8.54%
TPB	109.61	99.78	17.21%
GVR	105.57	94.92	-0.83%
SSI	110.08	94.44	15.30%
CTG	87.49	98.66	7.69%
PDR	99.81	98.12	19.01%
NVL	96.05	95.57	5.73%
MBB	95.61	96.15	8.60%
ACB	94.66	97.01	8.46%
VCB	93.57	99.01	7.03%
TCB	96.90	98.07	11.80%
HDB	95.42	98.15	24.40%
VPB	97.40	97.65	14.73%
STB	91.92	96.46	13.42%

Hồi
phục

JdK RS-Momentum

Tiêu
cực

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực

JdK RS-Ratio

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	945.63	7,126.92	32,295.33
Giá trị bán	1,360.29	10,307.74	41,203.08
Mua / bán ròng	-414.66	-3,180.83	-8,907.79
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	258.72	1,841.31	8,763.05
Giá trị bán	537.18	2,285.28	10,173.64
Mua / bán ròng	-278.46	-443.98	-1,410.59
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
MWG	106.53	MSN	-163.15
E1VFN30	60.79	VHM	-144.46
FPT	60.68	STB	-131.42
MBB	40.46	CRE	-130.70
VPB	25.33	VNM	-53.79
ACB	21.08	VRE	-48.77
TCB	20.37	VIC	-36.79
KDH	13.63	HPG	-20.71
NVL	13.57	FUEVFN30	-18.54
HDB	12.63	CTD	-15.44

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	588.89	20.92	0.00	-0.96%	0.00	0.00	1.00
FTSE	402.20	47.16	0.00	-2.25%		-6.53	-70.29
iShare	510.35	0.00	0.00	0.00%	0.00	3.55	3.49
E1VFN30	474.71	1.14	-1.19	0.82%	-17.1	-22.1	16.1
FUEVFN30	603.57	1.23	0.01	-0.54%	-1.6	23.6	-25.8
FUBON FTSE	476.13	0.64	0.00	-0.45%	-10.0	-20.9	-54.6
FUESSVFL	145.29	0.95	0.50	5.20%	3.4	10.3	21.2
FUESSVN30	4.72	0.84	0.00	0.21%	0.0	-0.3	0.2
FUEMAVN30	30.91	0.80	0.00	0.04%	0.0	-3.7	2.3
VN100	6.09	0.88	0.00	0.11%	0.00	0.00	0.50
KIM	185.01	19.89	0.00	0.34%	0.00	-9.87	-9.58
PREMIA	33.37	13.57	0.00	-0.65%	0.00	2.43	2.90

Nhận định: Các ETF rút ròng là chủ đạo. ETF E1, Diamond, Fubon giảm quy mô trong khi chỉ có ETF Finlead tăng nhẹ quy mô. Khối ngoại bán ròng chủ yếu tại các thị trường khu vực.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



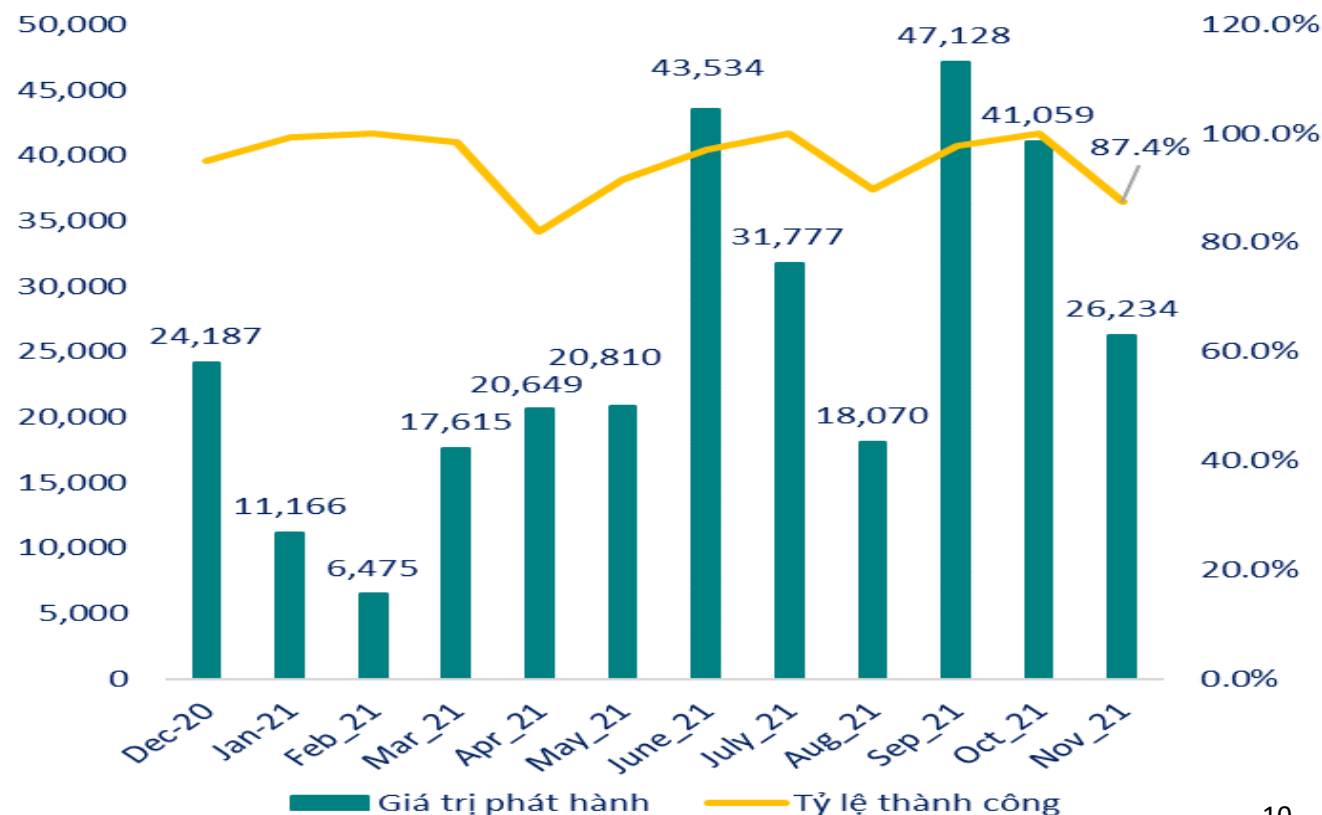
Phụ lục: *Lượng TPDN phát hành 11T2021*

Điểm nhấn:

- Giá trị phát hành TPDN trong tháng 11 (tính đến 26/11) đạt 22,234 tỷ, giảm 36% so tháng 10.
- 43 trái phiếu được phát hành tháng 10 và được mua 87.4%.
- Kỳ hạn trung bình của trái phiếu tăng mạnh lên mức 5.4 năm, cao hơn mức bình quân 4 năm của 12 tháng.

Nhận định: Nhu cầu trái phiếu Doanh nghiệp tháng 11 vẫn khá cao. Quy mô trái phiếu giảm và kỳ hạn trái phiếu dài hơn. Thông tin kiểm soát về cách sử dụng nguồn vốn của các doanh nghiệp BĐS sẽ gây tác động tiêu cực lên các doanh nghiệp có giá trị tài sản bảo đảm không tốt hay sử dụng vào mục đích ngoài lĩnh vực cho vay đã cấp phép. Hơn nữa, thông tư 16 của NHNN có hiệu lực vào 15/1/2022 sẽ siết chặt hơn với TPDN và từ đó, gây khó khăn hơn trong vấn đề vay vốn của nhóm này.

Diễn biến lượng TPDN phát hành



Chi tiết theo tháng

Tháng	Số	Thời	Giá trị PH
Tháng 12	38	4.2	24,187
Tháng 1_21	21	3.3	11,166
Tháng 2_21	12	2.7	6,475
Tháng 3_21	37	3.1	17,615
Tháng 4_21	43	3.6	20,649
Tháng 5_21	40	3.5	20,810
Tháng 6_21	77	3.8	42,200
Tháng 7_21	25	3.8	31,777
Tháng 8_21	53	4.5	18,070
Tháng 9_21	73	2.9	47,128
Tháng 10_21	39	3.4	41,059
Tháng 11_21	43	5.4	26,234
Tổng	501	4.0	307,370

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Phụ lục: *ETFs FTSE quý IV năm 2021*

Ngày 3/12/2021, FTSE Russell công bố danh mục điều chỉnh trong quý IV năm 2021, theo đó:

- FTSE Vietnam All-share Index bổ sung cổ phiếu 6 cổ phiếu gồm DGW, FLC, HDG, HT1, NKG, ITA và không loại cổ phiếu nào.
- FTSE Vietnam thêm mới 3 cổ phiếu DXG, DIG, DGC và không loại cổ phiếu nào. 3 cổ phiếu thêm mới danh mục FTSE Vietnam trong danh sách các cổ phiếu tham gia mới, nhưng số lượng này ít hơn số lượng cổ phiếu dự báo vào mới trong báo cáo tuần 49.
- Quỹ sẽ giao dịch từ 6 – 17/12.

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Giá trị	± Số lượng	Ghi chú
1	VIC	14.70%	12,799,233	2,764,634	
2	HPG	13.10%	-2,731,998	-1,265,816	
3	VHM	11.30%	-12,045,661	-3,229,262	
4	MSN	9.70%	-2,429,785	-369,353	
5	NVL	7.00%	-1,029,611	-212,287	
6	VNM	6.70%	-6,251,801	-1,618,617	
7	SSI	4.40%	-2,949,721	-1,196,774	
8	VRE	4.10%	-1,096,696	-834,667	
9	VCB	3.60%	-776,229	-178,007	
10	VJC	2.40%	-643,948	-119,222	
11	GEX	2.30%	184,636	93,264	
12	PDR	2.30%	-2,642,895	-640,394	
13	DIG	2.10%	8,249,329	2,731,311	Thêm mới
14	STB	2.00%	-548,643	-430,561	
15	KDH	1.80%	54,155	26,442	
16	KBC	1.70%	1,327,160	602,000	
17	DGC	1.70%	6,734,467	934,747	Thêm mới
18	VCI	1.60%	-377,649	-107,332	
19	PLX	1.30%	-8,214	-3,443	
20	HSG	1.20%	209,001	119,852	
21	DXG	1.20%	4,695,322	3,256,572	Thêm mới
22	SBT	0.90%	103,077	95,420	
23	TCH	0.90%	-261,640	-243,696	
24	POW	0.80%	-220,802	-370,947	
25	PVD	0.70%	-48,496	-40,437	
26	APH	0.60%	-292,590	-167,152	

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

